



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 02 (08/01-12/01/24)

*Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số
VN30-Index và VN-Finlead Index Quý 1/2024*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tiếp tục tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp chờ phiên bùng nổ theo đà*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30-Index và VN-Finlead Index Quý 1/2024*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index vượt kênh giá trên của hình hộp*
5. TIN VĨ MÔ: *Tăng trưởng tín dụng năm 2023 của Việt Nam đạt 13.5%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Ngân hàng +5.04%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tiếp tục tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp chờ phiên bùng nổ theo đà

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1154.68	2.19%
GTGD/phiên (tỷ VND)	17,132.13	35.50%
Khối ngoại (tỷ VND)	-998.78	
HNX-INDEX	232.76	0.74%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1370.32	21.42%
Khối ngoại (tỷ VND)	-24.05	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4697.24	0.18%	-1.52%	2.02%
EU (EURO STOXX)	4463.51	-0.23%	-1.28%	-1.32%
China (SHCOMP)	2929.18	-0.85%	-1.54%	-1.36%
Japan (NIKKEI)	33377.42	0.27%	-0.26%	3.31%
Korea (KOSPI)	2578.08	-0.35%	-2.91%	2.39%
Singapore (STI)	3184.30	0.32%	-1.73%	2.37%
Thailand (SET)	1427.96	-0.46%	0.86%	3.40%
Phillipines (PCOMP)	6629.64	0.41%	2.78%	6.33%
Malaysia (KLCI)	1487.61	0.70%	2.27%	3.17%
Indonesia (JCI)	7350.62	-0.12%	1.07%	2.67%
Vietnam (VNIndex)	1154.68	0.34%	2.19%	2.69%

TTCK VIỆT NAM

Thanh khoản tăng trưởng tạo nền cho dòng tiền luân chuyển

VN-Index khởi đầu năm 2024 bằng tuần tăng điểm mạnh 2.2%. Khối ngoại quay lại bán ròng tuy nhiên sự hồi phục nhóm bank và dòng vốn nội tăng trưởng là động lực tăng điểm trong tuần. Thị trường có 58% cổ phiếu và 14/18 ngành tăng giá. Các ngành chưa tăng giá như Ngân hàng, Y tế và hóa chất dẫn đầu đà tăng từ 1.8% - 5% tuần này. Sự trở lại của nhóm cổ phiếu Ngân hàng trước thông tin tích cực từ room tín dụng đã giúp VN-Index tiếp tục củng cố xu hướng tăng điểm. Thanh khoản tăng trưởng cũng là điểm sáng của thị trường, tạo nền cho dòng tiền luân chuyển nhanh qua các nhóm cổ phiếu. Sau những tuần tích lũy cổ phiếu, NĐT tránh mua đuổi và cân nhắc chốt lãi một phần tại vùng kháng cự 1,165 – 1,170 điểm để chủ động hơn trong giao dịch ngắn hạn.

Tăng trưởng tín dụng bứt tốc cuối năm qua đó đạt mức 13.5% trong năm 2023. SBV giữ ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, tăng mua dự trữ ngoại hối và góp phần kiểm soát lạm phát ở mức 3.25%. Mặt bằng lãi suất điều hành giảm từ 0.5% - 2% kéo giảm mặt bằng lãi suất hơn 2% so với cuối năm 2022. SBV cũng điều hành bám sát thực tiễn khi gia hạn và sửa đổi các thông tư hỗ trợ doanh nghiệp. Ngay từ đầu năm 2024, SBV đã giao toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng 15% cho các tổ chức tín dụng. Điều này sẽ giúp cho các tổ chức tín dụng chủ động trong việc phân bổ và triển khai sớm hoạt động tín dụng. Hoàn thiện thể chế luật thông qua sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng cũng sẽ là nội dung chú ý của ngành ngân hàng trong năm 2024.

TTCK THẾ GIỚI

Áp lực chốt lãi ngay đầu năm, TTCK Hoa Kỳ lao dốc

Đứng trước lo ngại định giá cao và không chắc chắn thời điểm FED giảm lãi suất, chỉ số Nasdaq có chuỗi giảm 5 phiên liên tiếp. Các chỉ số CK Hoa Kỳ có mức giảm bình quân 1.7% tuần đầu năm 2024. Các chỉ số chính Châu Âu và Châu Á phân hóa tăng và giảm nhẹ. Chỉ số CSI 300 tiếp tục diễn biến tiêu cực khi giảm -2.2%. Lợi tức trái phiếu Hoa kỳ 10y và chỉ số DXY hồi phục tăng 0.15% và 1.25% sau nhiều tuần giảm điểm. Chỉ số hàng hóa tăng 0.5%, trong đó giá dầu dẫn đầu tăng +1.6% trong khi giá kim loại quý giảm điểm (Vàng -0.9%; Bạc -3%). Các thị trường đang chứng lại sau thông điệp chưa rõ ràng về thời điểm giảm lãi suất từ FED. Thông tin CPI và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ tuần sau sẽ củng cố về lộ trình giảm lãi suất của FED.

Biên bản cuộc họp FOMC tháng 12 cho thấy các thành viên cho rằng lãi suất có thể ở hoặc gần đỉnh chu kỳ thắt chặt. Chính sách thực tế phụ thuộc vào diễn biến kinh tế và chưa chắc chắn về thời điểm hạ lãi suất. Biên bản nhận định lạm phát đã hạ nhiệt, trong đó PCE trong 6 tháng phản ánh lạm phát đã xuống dưới 2% tuy nhiên các lĩnh vực không đồng đều và dịch vụ cốt lõi vẫn tăng. FED nỗ lực giảm số dư bảng cân đối kế toán 1,200 tỷ khi để trái phiếu đáo hạn và không tái đầu tư. Biểu đồ dot-plot cho thấy kỳ vọng 3 năm tới lãi suất sẽ giảm về vùng dài hạn 2%. Công cụ Fedwatch của CME group phản ánh lãi suất không thay đổi trong kỳ họp tháng 1/2024 đã tăng 7% lên mức 91.2% so với 1 tháng trước nhưng giữ nguyên dự báo có 6 đợt giảm lãi suất xuống phạm vi 3.75% - 4% trong năm 2024.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30-Index và VN-Finlead Index Quý 1/2024

Ngày 15/01/2024 Hose sẽ công bố danh mục các cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN-30, VN-Finlead, VN-Midcap, VN-100, các bộ chỉ số này sẽ có hiệu lực từ ngày 05/02/2024. Hiện nay, các ETF nội có quy mô lớn đang mô phỏng 3 bộ chỉ số chính là VN-Diamond, VN-30 và VN-Finlead.

Đối với kỳ dự báo lần này, căn cứ trên số liệu kết thúc tại ngày 29/12/2023, BSC Research dự báo danh mục các cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN-30, VN-Finlead như sau:

1. Bộ chỉ số VN-30 Index

Dự kiến sẽ không thêm mới và loại bỏ cổ phiếu nào trong kỳ đánh giá lần này. Hiện tại có 4 chứng chỉ quỹ ETF đang tham chiếu theo chỉ số VN30 và giao dịch tại Hose bao gồm: E1VFN30, FUESSVN30, FUEMAVN30, FUEKIV30 với tổng tài sản ước tính khoảng 8,659 tỷ đồng;

2. Bộ chỉ số VN-Finlead Index

- Thêm mới: dự kiến không thêm mới cổ phiếu nào
- Loại bỏ: **Dự kiến loại bỏ cổ phiếu HCM (do không đáp ứng điều kiện về tỷ trọng vốn hóa lũy kế 98%).**

Ngoài ra, lưu ý về trường hợp **SSB**: cổ phiếu này đang ở ngưỡng về tiêu chí tỷ suất quay vòng 0.1% ở 2 kỳ gần nhất và có nguy cơ bị loại.

Hiện tại đang có 01 chứng chỉ quỹ ETF (FUESSVFL) đang tham chiếu chỉ số này với tài sản **2,150** tỷ đồng;

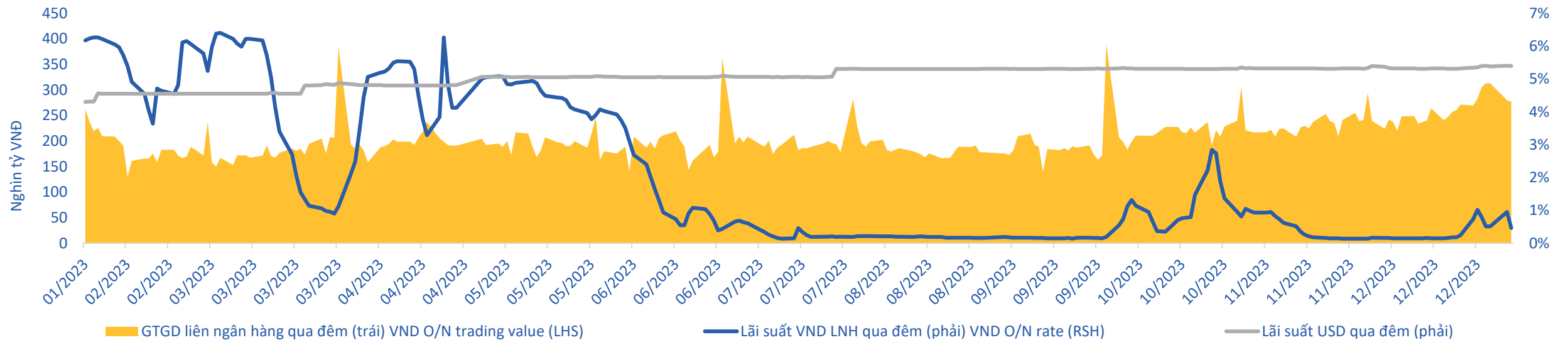
Chi tiết số lượng mua/bán cổ phiếu tại quỹ ETF tham chiếu theo bộ chỉ số như sau:

DỰ BÁO SLCP MUA/BÁN CÁC ETF THAM CHIẾU VN30-INDEX VÀ VN-FINLEAD INDEX QUÝ 1/2024										
Mã CK	ETF tham chiếu VN30 Index			ETF tham chiếu VN Finlead Index			Tổng SLCP mua/bán	KLGD TB 2 tuần	Số phiên giao dịch dự kiến	Ghi chú
	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán (Tỷ VND)	SLCP mua/bán	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán (Tỷ VND)	SLCP mua/bán				
VPB	8.91%	99.49	5,141,592	15.10%	(2.32)	(119,793)	5,021,799	18,311,651	0.27	
BID	0.83%	13.70	313,774	0.36%	(1.20)	(27,446)	286,328	1,458,897	0.20	
BVH	0.25%	1.66	41,385	0.00%	0.00	0	41,385	287,489	0.14	
SSB	2.68%	6.07	257,843	0.68%	(1.03)	(43,679)	214,164	1,962,273	0.11	
SAB	0.73%	6.86	109,985	0.00%	0.00	0	109,985	1,052,811	0.10	
STB	4.47%	1.76	61,587	13.22%	41.26	1,442,671	1,504,259	17,387,490	0.09	
HDB	3.42%	(4.22)	(206,914)	2.23%	19.82	971,756	764,843	11,692,774	0.07	
SSI	2.92%	4.06	120,840	10.41%	30.40	904,716	1,025,556	19,366,175	0.05	
EIB	0.00%	0.00	0	4.32%	20.25	1,071,657	1,071,657	22,102,044	0.05	
PLX	0.37%	1.39	39,742	0.00%	0.00	0	39,742	892,886	0.04	
MSB	0.00%	0.00	0	1.37%	4.35	323,730	323,730	7,313,089	0.04	
MWVG	4.19%	8.07	186,723	0.00%	0.00	0	186,723	7,994,997	0.02	
VIC	4.20%	1.00	22,605	0.00%	0.00	0	22,605	2,578,151	0.01	
VND	0.00%	0.00	0	5.54%	1.65	73,958	73,958	21,992,256	0.00	
HPG	7.36%	2.11	76,087	0.00%	0.00	0	76,087	25,573,005	0.00	
VRE	1.76%	0.22	9,510	0.00%	0.00	0	9,510	3,838,845	0.00	
OCB	0.00%	0.00	0	0.30%	0.09	6,478	6,478	7,856,136	0.00	
VCB	4.38%	4.61	53,716	3.48%	(4.85)	(56,498)	(2,782)	1,599,482	(0.00)	
ACB	7.33%	(1.26)	(49,710)	8.04%	0.33	13,146	(36,563)	10,187,300	(0.00)	
VHM	4.71%	(5.64)	(129,870)	0.00%	0.00	0	(129,870)	20,867,747	(0.01)	
VJC	2.66%	(2.31)	(21,435)	0.00%	0.00	0	(21,435)	1,932,994	(0.01)	
POW	0.44%	(0.97)	(84,722)	0.00%	0.00	0	(84,722)	4,891,096	(0.02)	
VNM	4.78%	(3.02)	(43,708)	0.00%	0.00	0	(43,708)	2,459,489	(0.02)	
MSN	3.64%	(7.37)	(108,275)	0.00%	0.00	0	(108,275)	5,592,823	(0.02)	
FPT	8.70%	(5.21)	(53,558)	0.00%	0.00	0	(53,558)	2,430,930	(0.02)	
SHB	2.75%	0.01	1,096	5.50%	(6.69)	(584,106)	(583,009)	25,072,070	(0.02)	
CTG	1.91%	4.17	145,673	2.12%	(7.81)	(272,967)	(127,294)	5,230,054	(0.02)	
GVR	0.28%	(2.58)	(120,332)	0.00%	0.00	0	(120,332)	2,870,979	(0.04)	
TCB	6.28%	(0.07)	(2,118)	10.09%	(11.68)	(352,724)	(354,843)	7,302,940	(0.05)	
VIB	2.36%	0.42	20,692	1.88%	(5.57)	(273,007)	(252,315)	4,931,918	(0.05)	
TPB	1.96%	(0.27)	(15,186)	2.13%	(6.76)	(377,792)	(392,978)	7,663,568	(0.05)	
HCM	0.00%	0.00	0	0.60%	(13.91)	(563,077)	(563,077)	10,460,989	(0.05)	Dự kiến bị loại khỏi VN-Finlead
GAS	0.73%	(3.90)	(50,804)	0.00%	0.00	0	(50,804)	862,478	(0.06)	
MBB	4.78%	(4.32)	(214,801)	7.51%	(29.34)	(1,459,698)	(1,674,499)	14,929,139	(0.11)	
BCM	0.21%	(11.36)	(186,883)	0.00%	0.00	0	(186,883)	550,675	(0.34)	
LPB	0.00%	0.00	0	3.32%	(22.06)	(1,337,169)	(1,337,169)	2,887,637	(0.46)	

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.71%	1.00%	1.71%	1.49%	3.82%	4.36%	5.90%
So với tuần trước	-0.01%	-1.23%	-0.54%	-0.78%	0.59%	-0.44%	0.02%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	278,207.00	12,759	2,890	560	802	66	14
So với tuần trước	-6.21%	-90.37%	-64.99%	-87.34%	-82.80%	-96.23%	66.67%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 03/01/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm bắt đầu tăng cao hơn từ cuối năm 2023

PTKT VN-INDEX: VN-Index vượt kênh giá trên của hình hộp

Đồ thị ngày: Trái ngược với diễn biến tuần trước, VN-Index có phiên bứt tốc đầu tuần vượt SMA20 và duy trì đà tăng vượt kênh giá trên của hình hộp. Khối ngoại dừng bán ròng và quay trở lại mua ròng củng cố tâm lý và giúp chỉ số tăng điểm tuần qua. Thị trường có đến 3/5 cây nến doji bóng nến gần sát ngưỡng 1,130 điểm cho thấy áp lực giảm co tại ngưỡng kháng cự. Cùng với đó thanh khoản duy trì ở mức trung bình và chưa xác nhận một phiên breakout chính thức. Các chỉ báo kỹ thuật ở mức trung tính.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI 60 lên 70 điểm và đi vào vùng quá mua.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mở rộng so với mức 0. Thanh khoản tăng 14% so tuần trước.
- VN-Index vượt trên SMA 20, SMA 50, SMA 100 và SMA 200.

Kết luận: VN-Index xác lập xu hướng tăng điểm sau khi vượt mô hình hình hộp chữ nhật. Thị trường đang tăng điểm trong nghi ngờ cho dù các phiên rung lắc sớm xảy ra khi các chỉ báo bước vào vùng quá mua. Lực cầu vùng giá dưới tốt và thanh khoản cải thiện hỗ trợ VN-Index tăng điểm hoàn thành mô hình hình hộp chữ nhật tại giá mục tiêu 1,165 - 1,170 điểm.

Đồ thị

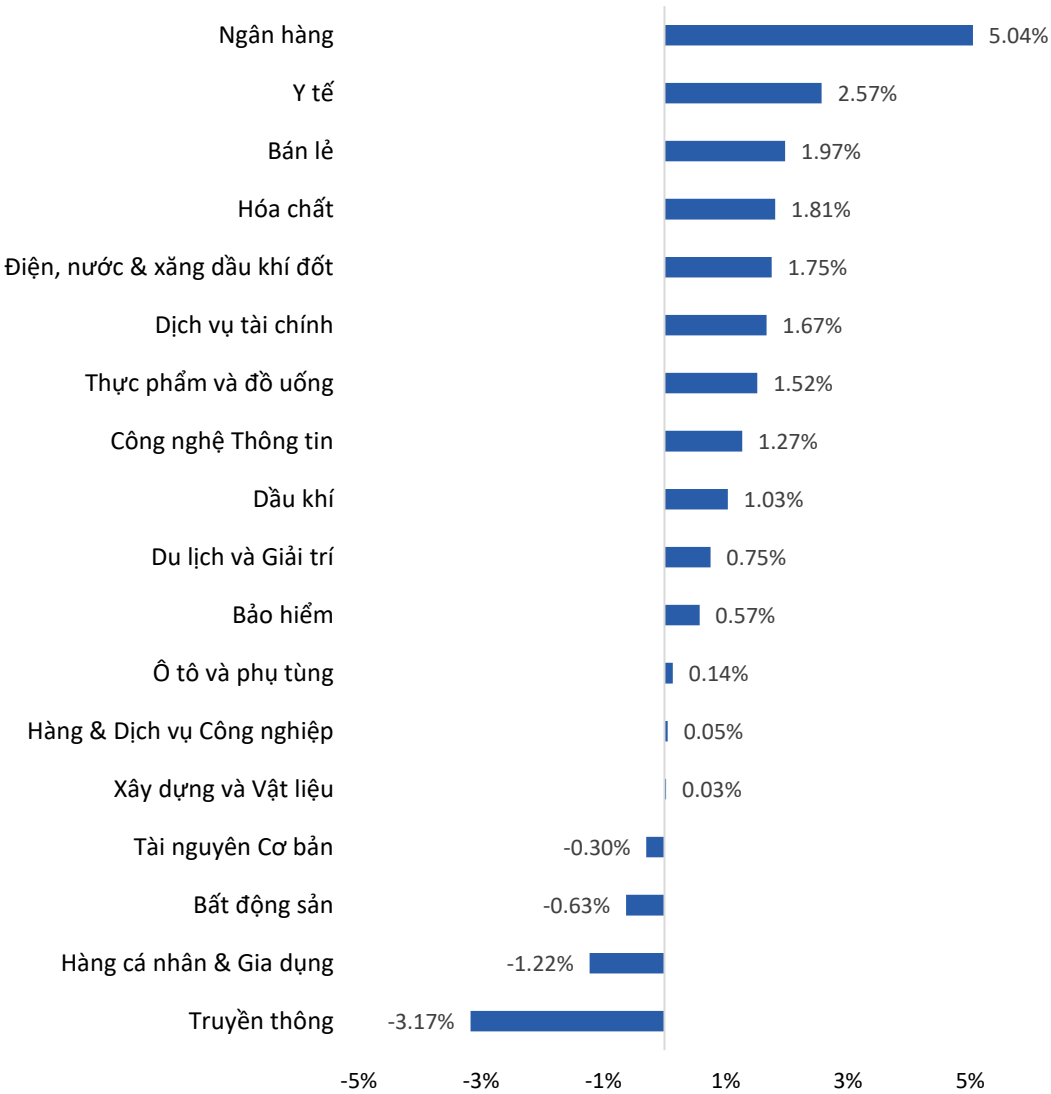


Nguồn: BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Ngân hàng	0.81%	5.04%	6.60%	VCB	4.59%	VPB	-1.98%
Y tế	0.28%	2.57%	4.78%	DBD	-1.01%	PME	0.38%
Bán lẻ	1.09%	1.97%	7.98%	MWG	-7.26%	PNJ	0.27%
Hóa chất	0.79%	1.81%	3.42%	DRC	0.90%	DGC	0.94%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.20%	1.75%	-0.45%	REE	-3.64%	POW	0.91%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	73.81	2.24%	3.01%	3.32%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	78.76	1.51%	2.23%	3.63%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gal.	210.55	-0.22%	-0.04%	2.33%	HVN, VIC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2045.45	0.09%	-0.85%	2.03%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.192	0.79%	-2.54%	0.83%	PNJ	
Đậu tương	USD/bu.	1256.25	-0.89%	-3.22%	-5.05%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	616	0.41%	-1.91%	-2.49%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.53	-0.58%	-1.33%	-7.17%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	254.7	0.87%	0.51%	7.24%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	21.11	0.14%	2.58%	-9.63%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	182.8	-1.48%	-2.92%	3.19%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8463	-0.04%	-1.12%	0.17%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4011	-0.84%	0.28%	-0.59%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2273.5	-0.33%	-4.64%	6.54%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	1003.5	-1.04%	3.08%	4.69%		HPG
Than đá	USD/MT	130.5	1.01%	-2.47%	-12.53%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	4106	-1.06%	-0.10%	-0.85%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

TIN VĨ MÔ: Tăng trưởng tín dụng năm 2023 của Việt Nam đạt 13.5%

VIỆT NAM:

- NHNN: Định hướng tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt 15% trong năm 2024.
- NHNN: Đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021 quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, trong đó có việc ngân hàng có thể được mua lại trái phiếu doanh nghiệp sau khi bán.
- Bộ Tài chính: Giải ngân đạt 73.5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Hoà Bình, Phú Yên,... chưa hoàn thành 50% kế hoạch đề ra...
- NHNN: Tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt 13.5%. Hiện nay, mặt bằng lãi suất đang ở mức thấp nhất trong 20 năm.
- NHNN: Vừa có công văn số 10167/NHNN-CSTT về việc giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 cho hệ thống ngân hàng.
- GSO: Một số chỉ tiêu kinh tế năm 2023: GDP +5.05% YoY; CPI trung bình +2.6% YoY; xuất khẩu -4.36% YoY; nhập khẩu -8.92% YoY.
- PMI tháng 12/2023 đạt 48.9 điểm. Nhu cầu yếu tiếp tục góp phần làm giảm số lượng đơn đặt hàng mới, khiến cho sản lượng cũng giảm tương ứng.
- Fitch Ratings: Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6.3% vào năm 2024 và 7.0% vào năm 2025.
- Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam: Trung Quốc và Việt Nam đang đẩy nhanh thực hiện dự án đường sắt Hà Khẩu, Vân Nam - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và đã bước vào giai đoạn xây dựng báo cáo tiền khả thi.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Biên bản họp FOMC tháng 12: Các thành viên thấy rằng có thể cần duy trì lãi suất chính sách ở mức hiện tại lâu hơn dự đoán do tiến trình giảm lạm phát không đồng đều giữa các thành phần.
- Hoa Kỳ: Chỉ tiêu xây dựng Hoa Kỳ tháng 11/2023 +0.4% MoM (dự kiến: +0.6% MoM). Chỉ tiêu xây dựng tư nhân +0.7% MoM, chỉ tiêu xây dựng công -0.7% MoM.
- Hoa Kỳ: PMI sản xuất tháng 12/2023 đạt 47.9 (dự kiến: 48.4; trước đó: 40.4).
- Trung Quốc: PMI sản xuất tháng 12/2023 đạt 49 điểm (dự báo: 49.5; trước đó: 49.4). PMI dịch vụ tháng 12/2023 đạt 50.4 điểm (dự báo: 50.5; trước đó: 50.2)
- Châu Âu: Cung tiền M3 tháng 11/2023 -0.9% YoY (dự kiến: -1% YoY; trước đó: -1% YoY).
- Châu Âu: PMI sản xuất tháng 12/2023 đạt 44.4 (sơ bộ: 44.2; trước đó: 44.2).
- Anh: Lạm phát giá bán lẻ tại các cửa hàng +4.3% YoY, thấp nhất kể từ tháng 6/2022.
- Anh: PMI sản xuất tháng 12/2023 ở mức 46.2 (sơ bộ: 46.4; trước đó: 47.2).
- Trung Quốc: Fitch hạ bậc 4 công ty quản lý tài sản quốc gia Trung Quốc, trong đó có 3 công ty được liệt vào diện theo dõi tiêu cực.
- Trung Quốc: PMI dịch vụ Caixin tháng 12/2023 đạt 52.9 (dự kiến: 51.6; trước đó: 51.5).

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền nội tăng trưởng và luân chuyển giữa các nhóm ngành;
- 8/1, Doanh thu bán lẻ EU. 9/1, CPI Nhật; Tỷ lệ thất nghiệp EU, Úc; Cán cân thương mại Hoa Kỳ. 10/1, CPI Úc; Cung tiền M2 và các khoản vay mới Trung Quốc; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 11/1, CPI và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ; 12/1, CPI Trung Quốc; Chỉ số sản xuất công nghiệp và GDP Anh; Chỉ số PPI Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	0.07%	8.23
MBB	0.10%	2.41
CTG	0.07%	2.33
BID	0.03%	1.56
ACB	0.06%	1.50
TCB	0.04%	1.23
GAS	0.02%	0.97
VIB	0.06%	0.70
SHB	0.07%	0.68
STB	0.05%	0.63
Tổng		20.24

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
BCM	-0.04%	-0.62
VIC	-0.01%	-0.48
VGC	-0.05%	-0.32
GEX	-0.06%	-0.31
HPG	-0.01%	-0.22
PNJ	-0.03%	-0.21
SSB	-0.01%	-0.18
FRT	-0.04%	-0.14
VHM	0.00%	-0.11
NVL	-0.01%	-0.10
Tổng		-2.69

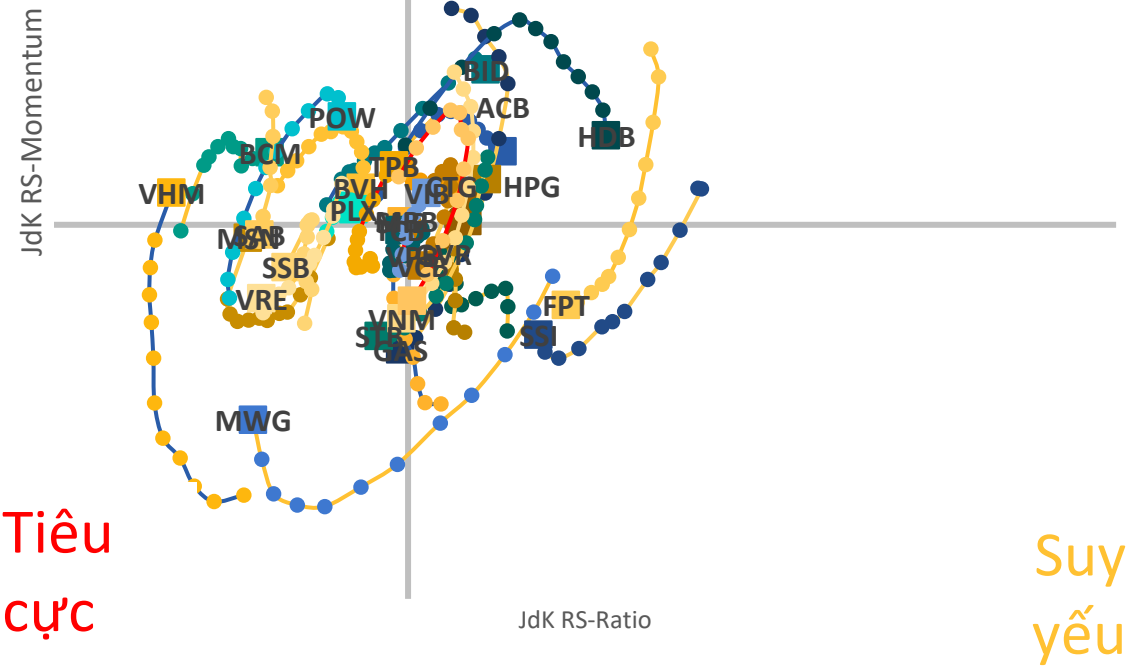
Khối ngoại mua ròng (Tuần 52)		
Mã	Mua ròng	SHNN
HCM	115.13	2.70
VCB	80.86	23.53
HSG	79.65	20.86
PVD	66.57	22.09
STB	66.23	23.50
MSN	62.34	29.34
BCM	61.39	2.33
VPB	59.49	13.72
GEX	48.25	12.73
CMG	45.60	42.47
Tổng	685.50	

Khối ngoại bán ròng (Tuần 52)		
Mã	Mua ròng	SHNN
GMD	-174.19	48.06
VNM	-173.31	55.16
NCG	-99.88	
GAS	-76.22	2.40
VTP	-73.88	
SSI	-72.51	
SHB	-71.05	6.08
VND	-65.19	22.84
VHM	-48.21	24.89
HDG	-42.45	23.36
Tổng	-896.87	

Vận động cổ phiếu VN30		
ACB	105.3559	101.9569
BID	104.4008	104.1471
CTG	102.4535	101.0425
HDB	111.1957	102.3842
HPG	104.4642	101.209
MBB	103.3744	100.0908
VIB	101.0553	100.8478
VJC	108.5489	101.5474
BCM	92.20283	101.9281
BVH	97.33986	100.9819
PLX	96.92502	100.4065
POW	96.28725	102.892
SHB	99.66406	100.0822
TPB	99.22448	101.5834
VHM	86.65061	100.8549
VIC	89.1968	101.2523
FPT	108.9382	97.85237
GVR	101.9881	99.22718
SSI	107.387	97.05421
VCB	100.8041	98.90737
VPB	100.2394	97.96347
GAS	99.57732	96.661
MSN	90.9681	99.64868
MWG	91.2601	94.7808
SAB	91.617	99.73133
SSB	93.10343	98.8591
STB	98.36625	97.01928
TCB	99.52715	99.85667
VNM	99.64283	97.48932
VRE	91.72989	98.02839

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

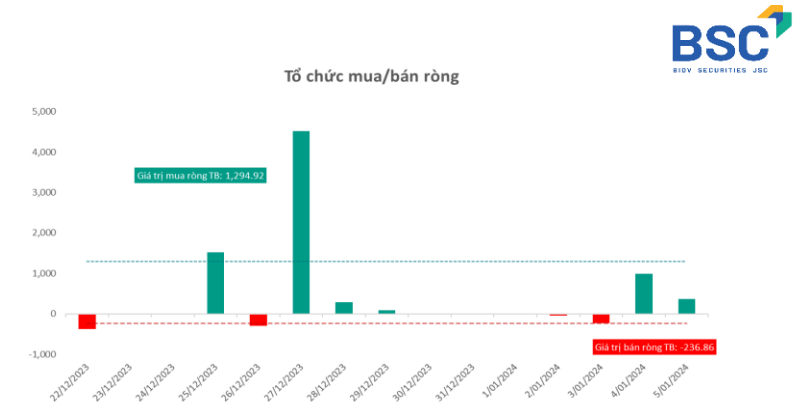
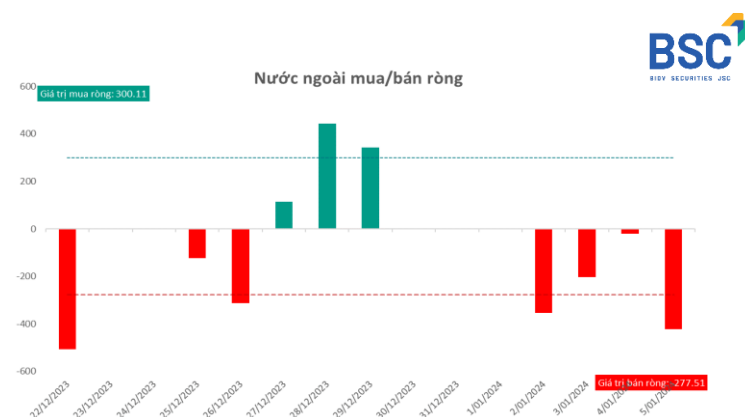
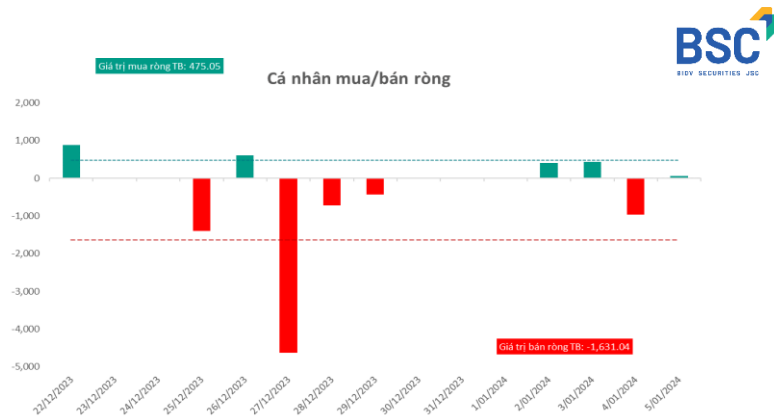
Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUESSVFL	20,541,600	377.26	MBB	6,653,600	-127.90	VCB	730,600	62.83	FUEVFNVD	8,546,500	-226.24	SHB	21,631,240	233.05	VCB	3,043,546	-258.49
FUEVFNVD	8,462,500	223.99	E1VFN30	2,518,200	-49.73	OCB	2,973,200	42.11	MSN	738,300	-49.79	KDC	3,019,100	191.64	HDB	10,780,720	-218.12
MWG	2,658,100	115.96	VPB	2,344,045	-42.62	VPB	1,873,500	35.98	VRE	1,701,800	-39.61	VHM	3,716,370	160.80	HAH	3,895,000	-151.17
HPG	3,356,000	94.03	CTG	1,407,000	-40.20	VHC	334,800	21.61	VHM	914,300	-39.59	EVF	8,574,694	141.41	CTG	4,708,139	-135.11
VIB	3,697,978	74.59	KDC	598,500	-37.71	BID	269,200	11.94	SHB	2,668,900	-30.70	HCM	4,224,920	104.45	HPG	3,778,075	-105.74
PLX	1,707,700	59.96	STB	1,327,500	-36.06	SSI	324,100	11.08	HPG	952,200	-26.40	VRE	4,241,311	98.38	MWG	2,376,500	-103.52
VHM	1,222,400	53.37	TCB	987,201	-30.80	HCM	366,500	9.00	DXG	1,002,600	-19.44	SSI	2,785,157	89.45	TCB	2,788,156	-92.94
HAH	1,305,100	50.52	VIX	1,823,000	-29.42	DHC	169,400	6.73	NLG	492,300	-18.34	MSN	1,006,782	67.86	ASM	8,191,890	-85.85
ASM	4,312,000	45.60	SSI	858,604	-27.71	FUESSVFL	329,300	6.26	PVD	613,400	-17.18	SAB	951,900	59.99	VNM	1,233,097	-84.83
KDH	1,232,550	38.26	FIR	1,152,700	-22.71	E1VFN30	167,500	3.35	GAS	217,200	-16.76	PVD	2,007,241	56.31	VIB	4,128,432	-83.64

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	86.2	0.30%	0.60	19,769.00	4.20	5,797.00	14.90	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	44.6	2.10%	1.00	10,421.00	2.00	3,572.00	12.50	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	-0.80%	1.10	6,251.00	7.80	1,461.00	13.10	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	33.2	0.30%	1.10	4,799.00	4.90	5,052.00	6.60	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	20.5	2.00%	1.10	4,386.00	18.90	3,496.00	5.90	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	29.3	2.40%	1.10	2,267.00	37.60	3,600.00	8.10	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	21.8	2.10%	1.70	3,586.00	2.50	538.00	40.60	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.9	0.60%	1.70	1,005.00	7.90	1,862.00	17.10	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	51.8	-0.80%	1.30	701.00	3.50	3,075.00	16.80	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	52	-1.00%	1.60	957.00	2.30	3,032.00	17.10	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.8	0.20%	1.40	6,633.00	18.60	322.00	86.20	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	43.1	-0.80%	1.30	7,701.00	8.00	9,462.00	4.60	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	-0.20%	1.30	2,177.00	3.20	1,818.00	12.80	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	31.2	0.80%	1.30	1,023.00	1.90	965.00	32.30	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	37.2	0.50%	1.20	587.00	3.20	1,628.00	22.90	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	95.6	-0.40%	1.30	1,490.00	5.40	8,861.00	10.80	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	33.8	-0.10%	1.10	544.00	2.10	4,006.00	8.40	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	32.4	0.00%	1.30	703.00	1.80	3,049.00	10.60	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	77.3	0.80%	0.70	7,285.00	3.30	5,271.00	14.70	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35.2	0.30%	1.00	1,835.00	2.00	2,635.00	13.40	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	38.2	-0.30%	1.00	749.00	3.40	1,840.00	20.80	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	27.8	-1.10%	1.10	634.00	3.20	812.00	34.20	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.3	-1.30%	0.90	1,086.00	2.00	622.00	18.20	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	68.8	-0.30%	0.80	5,900.00	4.20	4,008.00	17.20	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	67.9	-0.30%	1.70	3,987.00	9.50	265.00	256.00	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	43.8	1.50%	1.40	2,631.00	16.30	476.00	92.10	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	83.4	-1.40%	0.70	1,122.00	3.80	5,506.00	15.10	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	66.3	4.10%	0.80	611.00	2.20	4,582.00	14.50	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	71.5	-0.30%	0.90	898.00	2.00	7,228.00	9.90	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	97	-0.20%	0.80	5,055.00	3.80	4,533.00	21.40	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29	1.40%	1.00	6,390.00	10.40	3,279.00	8.80	1.40	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	25.4	0.60%	0.90	4,056.00	9.70	3,722.00	6.80	1.60	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	20.4	0.20%	0.70	2,427.00	5.30	2,765.00	7.40	1.60	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	16.6	0.60%	0.90	1,742.00	1.60	1,410.00	11.80	1.70	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	20.7	1.50%	1.10	2,155.00	3.80	3,534.00	5.90	1.60	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	22.3	0.00%	1.80	1,114.00	21.80	467.00	47.80	1.80	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	18	0.60%	1.10	1,626.00	8.10	2,697.00	6.70	1.30	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	34.2	1.60%	1.40	2,101.00	35.20	1,090.00	31.30	2.30	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	17.1	-1.20%	1.70	223.00	6.00	93.00	183.50	7.30	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	12	0.00%	1.80	-	0.40	457.00	26.30	1.20	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	70	0.00%	1.20	285.00	2.60	1,389.00	50.40	0.80	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	16.1	0.90%	1.60	272.00	5.60	764.00	21.10	1.20	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	0.40%	1.50	94.00	1.50	461.00	26.40	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	60.5	-0.50%	0.90	2,570.00	1.30	433.00	139.70	3.50	2.70%	1.70%
HUT	KCN	20.5	1.00%	1.70	751.00	2.60	48.00	423.70	2.30	2.00%	1.30%
PHR	KCN	49.8	0.10%	1.30	277.00	0.50	6,396.00	7.80	1.80	15.40%	26.90%
SZC	KCN	36.6	3.20%	1.60	180.00	2.70	1,673.00	21.90	2.60	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	22.4	-0.20%	1.80	566.00	8.00	46.00	487.60	1.30	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	12.4	0.40%	1.30	195.00	0.10	53.00	234.40	1.00	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	24.1	0.00%	1.80	260.00	7.50	(974.00)	-24.70	1.20	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	56.2	-1.10%	0.40	154.00	0.20	4,707.00	11.90	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	28.8	2.10%	1.80	90.00	3.50	1,210.00	23.80	1.10	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	16.8	0.00%	1.50	1,348.00	6.30	(292.00)	-57.80	0.80	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	19.4	0.80%	2.10	572.00	11.30	(444.00)	-43.60	1.00	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	32.9	0.80%	1.50	182.00	2.60	1,898.00	17.30	2.30	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	27	1.90%	1.80	676.00	28.90	190.00	142.30	2.10	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	14.4	0.30%	1.50	148.00	0.80	1,398.00	10.30	1.00	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.9	0.50%	1.40	-	3.20	2,501.00	7.60	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	26.5	-0.40%	0.70	352.00	3.10	2,704.00	9.80	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	32.1	0.30%	1.30	106.00	0.30	1,287.00	24.90	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	26.9	-0.60%	0.90	131.00	0.70	1,969.00	13.70	1.80	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	57.4	-0.50%	0.70	963.00	1.30	5,841.00	9.80	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	22.2	-0.40%	1.90	774.00	17.80	351.00	63.10	1.00	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	24.6	-1.00%	0.80	291.00	1.10	1,439.00	17.10	1.70	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	27	1.10%	1.30	338.00	1.50	2,145.00	12.60	1.20	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	27.8	-1.40%	1.60	355.00	2.70	695.00	40.00	2.40	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	13	0.00%	0.80	182.00	0.20	348.00	37.40	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.3	-0.80%	2.10	183.00	1.90	(124.00)	-67.30	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	61.9	-0.80%	0.80	3,258.00	1.80	3,263.00	19.00	3.10	62.30%	18.70%
QNS	F&B	45.1	-0.70%	0.40	-	1.00	5,496.00	8.20	2.00	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	103	-0.50%	0.70	576.00	1.40	(1,162.00)	-88.70	8.70	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	55.6	1.10%	1.50	381.00	5.30	2,512.00	22.10	4.00	23.60%	21.90%
DBC	F&B	27	0.40%	1.80	269.00	8.80	(250.00)	-108.20	1.40	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	27.8	-0.40%	1.40	122.00	0.50	646.00	43.00	1.50	1.40%	5.70%
BAF	F&B	25.8	-1.70%	0.20	152.00	2.60	393.00	65.60	2.10	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	32.2	2.20%	1.50	176.00	3.00	1,133.00	28.40	1.60	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	31.7	2.40%	1.00	174.00	5.50	878.00	36.10	1.30	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	38.2	-0.80%	1.40	165.00	3.20	4,611.00	8.30	1.30	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	91.7	0.80%	1.00	430.00	0.80	4,346.00	21.10	5.80	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	20.1	1.00%	1.20	94.00	1.10	2,030.00	9.90	1.40	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

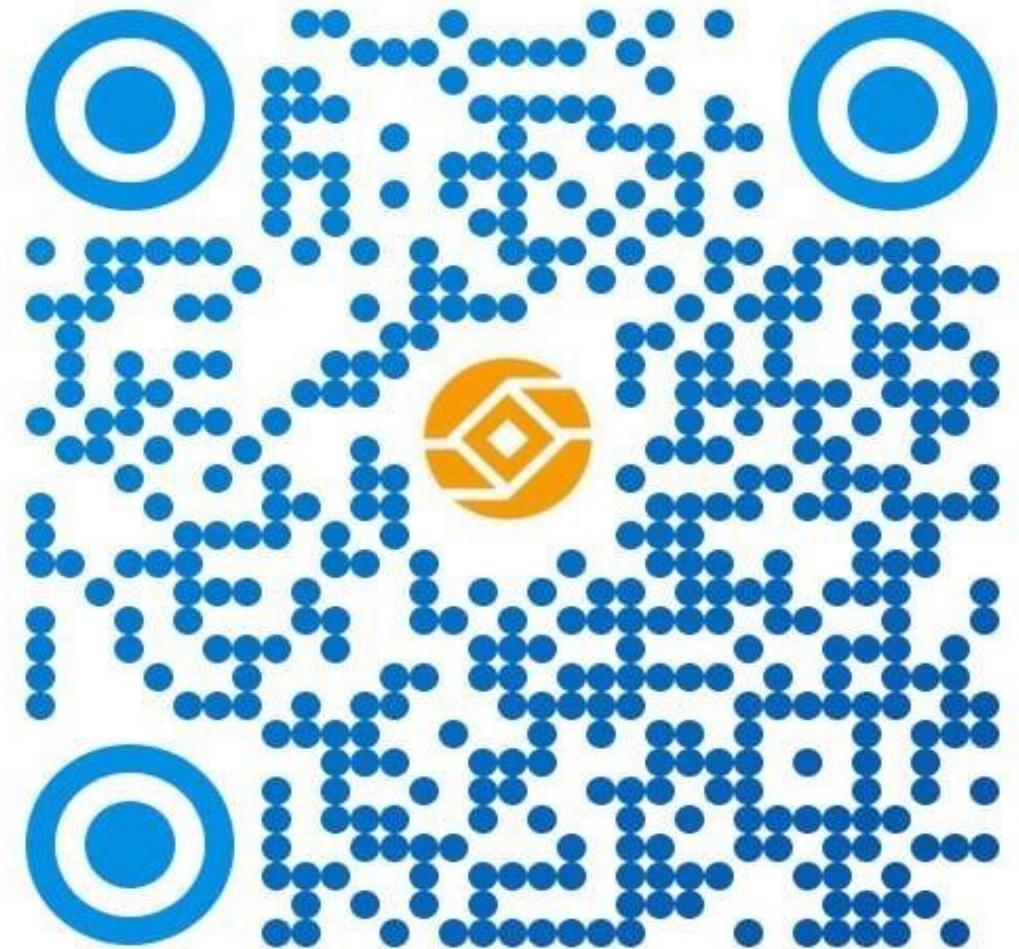
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký